

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 - 2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Vũ

2. Ông Thái Quang Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 15, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu P, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc A - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 15, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đặng Ngọc A ngày 28/3/2002 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh A được 3 tháng thì vợ chồng ra ở riêng tại tổ 15, khu dân cư P, phường P, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 1 năm. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Đến tháng 3 năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Ngọc A.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đặng Thị Ánh D - sinh ngày 23/02/2003, Đặng Thanh G - sinh ngày 08/9/2004 và Đặng Giang S - sinh ngày 10/02/2010. Ly hôn, con chung là Đặng Thị Ánh D đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết; chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Giang S để anh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thanh G và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về công nợ, công sức: Điều không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị T ngày 28/3/2002, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 15, khu dân cư P, phường P, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không cùng quan điểm, không hợp nhau. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như chị T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, con chung là Đặng Thị Ánh D đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết; còn hai con chung sẽ theo nguyện vọng của G và S với ai thì người đó phải nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Nếu phải ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay gì và không nợ ai.

-Về công sức: Không có.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyên. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Ngọc A.

-Về con chung: Vợ chồng có con chung là Đặng Thị Ánh D, sinh ngày 23/02/2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Giang S - sinh ngày 10/02/2010 và anh Đặng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thanh G - sinh ngày 08/9/2004 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Ngọc A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Ngọc A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp anh A đã tự bỏ về không tham gia phiên họp và chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án phải đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Phiên tòa ngày 07/7/2022, bị đơn anh Đặng Ngọc A đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh A đã được tổng đạt họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đặng Ngọc A.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Mặt khác, anh A không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn và khi Tòa án tiến hành hòa giải thì anh A lại tự ý bỏ về không hợp tác với Tòa án

để hòa giải chứng tỏ anh A không đồng ý ly hôn là không thực tâm. Vì vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Đặng Thị Ánh D - sinh ngày 23/02/2003, Đặng Thanh G - sinh ngày 08/9/2004 và Đặng Giang S - sinh ngày 10/02/2010. Nếu ly hôn, cả hai vợ chồng chị T, anh A đều thống nhất con chung là Đặng Thị Ánh D đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết; còn chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Giang S để anh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thanh G và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, phía anh A theo nguyện vọng của hai con chung là G và S ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Mặt khác, theo nguyện vọng của con chung là Đặng Giang S là xin được ở với chị T còn con chung là Đặng Thanh G không thể hiện quan điểm ở với ai khi bố mẹ ly hôn. Trên thực tế hiện nay, chị T đang nuôi con chung là Đặng Giang S và con chung là Đặng Thanh G đang ở với anh A. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nguyện vọng của con chung và quan điểm của chị Tuyên cũng như anh A thì để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh, chị phát triển toàn diện, phù hợp với nguyện vọng của con chung và thực tế điều kiện nuôi dưỡng cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung là Đặng Giang S và anh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thanh G cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung*: Cả chị T và anh A trình bày tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về công nợ và công sức*: Cả chị T và anh A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Ngọc A.

2. *Về con chung:*

Vợ chồng có con chung là Đặng Thị Ánh D, sinh ngày 23/02/2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Giang S - sinh ngày 10/02/2010 và anh Đặng Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Thanh G - sinh ngày 08/9/2004 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung..

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Ngọc A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002794 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền